



## DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Dụng cụ và vật tư tiêu hao cuốn ống cho giàn

RC-12/ Инструменты и расходные материалы для вальцовки трубы RC-12

Số ĐHXN - № заявки: 90.XNXL-0549/25-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I. VẬT TƯ THIẾT BỊ</b>						
<b>GROUP 1: VẬT TƯ TIÊU HAO</b>						
1	045.006.00619	Đá mài Ø180 x 6.6 x 22.23 mm - Шлифовальные круги	Đá mài thép đen Ø180 x 6.6 x 22.23 mm - Tiêu chuẩn chế tạo: Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 - Đường kính ngoài: 180mm, kích thước lỗ: 22.23mm, độ dày 6 :- 6.6mm. - Tốc độ làm việc/ Operating Speed: 80m/s, 8500 rpm	Pce	100,00	
2	045.007.00173	Đá cắt 180 x 3.3 x 22.2mm - Отрезные круги	Dia : 180x3.3mm; Max speed : 8500rpm, Tiêu chuẩn EN 12413	Pce	100,00	
3	045.006.00620	Đá mài 150 x 6 x 22.23mm - Шлифовальные круги	Đá mài thép đen 150 x 6 x 22.23mm: - Tiêu chuẩn chế tạo: Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 - Đường kính ngoài: 150mm, kích thước lỗ: 22.23mm, độ dày 6mm.	Pce	400,00	
4	045.007.00181	Đá cắt Ø150 x 2.8 x 22.23mm - Круги отрезные	Đá cắt thép đen Ø150 x 2.8 x 22.23mm: - Tiêu chuẩn chế tạo: Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 - Đường kính ngoài: 150mm, kích thước lỗ: 22.23mm, độ dày 2.5 :- 3mm. - Tốc độ làm việc/ Operating Speed: 80m/s, 10200 rpm.	Pce	400,00	
5	045.006.00585	Mũi mài dùi hợp kim, đường kính trục 6mm - Карбид вольфрама Бурр.	Mũi dùi hợp kim Wolfram Flexo. Cardide Brurrs Flam, Quy cách 12x25x6mm.	Pce	12,00	
6	045.006.00663	Đĩa nhám xếp Ø100mm, độ nhám A40/ Flap disc Ø100mm. - Лепестковые шлифовальные круги 100mm		Pce	25,00	



7	045.006.00323	Đĩa nhám xếp Ø100mm/ Flap disc Ø100mm. - Лепестковые шлифовальные круги 100мм	Đĩa nhám xếp; Đường kính đĩa: 100mm; Đường kính lỗ: 16mm; Grit #40; Tốc độ quay tối đa (max.speed) ≥ 12.000 rpm	Pce	25,00	
8	045.006.00430	Đĩa chà nhám 100x16mm - Откидной диск/Flap disc	Bosch standard metal X433 .60 . 100x16mm 63m/s	Pce	25,00	
9	020.017.00004	Bếp cắt khí Propan No.3 - Propane cutting tip size 3 - Режущий наконечник №3		Pce	15,00	
10	020.017.00005	Bếp cắt khí Propan No.4 - Propane cutting tip size 4 - Режущий наконечник №4		Pce	15,00	
11	025.038.00002	Kính trắng cho mặt nạ hàn kích thước 3x50x105mm/ Welding safety glass white - Сварка Защитные очки белый	Sử dụng cho nón hàn Vật liệu: Polycarbonate Kích thước: 3x (35/ 50) x105 mm	Pce	500,00	
12	025.039.00006	Mo cắt - Защитная маска для газосварки	Bộ bao gồm: - Mo cắt vật liệu nhựa cao cấp có độ bền cao, bọc thêm viền nhôm mềm để uốn khi sử dụng. Màu sắc: đen - Khung lo xo A2.	Set	10,00	
13	025.039.00005	Mo mài - Шлифовальная защитная маска	Bộ bao gồm: - Mo mài vật liệu nhựa cao cấp có độ bền cao, bọc thêm viền nhôm mềm để uốn khi sử dụng. Màu sắc: trắng - Khung lo xo A2.	Set	10,00	
14	010.011.00142	Đầu cốt đồng Ø50, lỗ Ø10 - Compression tin plated copper lugs: 50 mm2 - M10 - Наконечник медный	Đầu cốt đồng mạ kẽm 50 mm2, lỗ Ø10 - Compression tin plated copper lugs: 50 mm2 - M10	Pce	50,00	
15	010.011.00140	Đầu cốt đồng Ø95, lỗ Ø12 - Compression tin plated copper lugs: 95 mm2 - M12 - Наконечник медный	Đầu cốt đồng 95 mm2, lỗ Ø12 - Compression tin plated copper lugs: 95 mm2 - M12	Pce	50,00	
16	061.001.00752	Bu lông M10x25 kèm đai ốc & vòng đệm - Болт с гайкой и шайба	Bu lông thép mạ kẽm độ bền 8.8 M10x25 M10x25 Hexagon head, high tensile grade 8.8 bright zinc plated, with washer, nut	Set	100,00	
17	046.002.03997	Sơn đen làm nền marking ống/ Черная краска		Litre	100,00	



18	046.002.03998	Sơn vàng marking nhận dạng vật tu/ Желтая краска		Litre	30,00	
19	030.032.00020	Chất làm sạch gỉ sét RP7 - Средство для очистки от ржавчины	-Model: Selleys RP7-Australia -Capacity: 300g (422 ml)	Bottle	50,00	
20	030.032.00008	Balloon для спрей ржавчины WD-40 или аналогичные -Bình xịt gỉ WD -40 hoặc tương đương - Dung dịch tẩy rửa, bôi trơn	Model: WD40 -USA Capacity: 412ml	Bottle	50,00	
21	041.004.00118	Silicone Tube 310ml - Силиконовый клей/ Кеосиликон		Bottle	50,00	
22	059.008.00003	Mỡ bôi trơn - Смазки пластиковые	Mỡ Lithium chịu nhiệt cao-High temperature lithium grease- 15kg (Mekong)	Kg	18,00	
23	050.007.01779	Dưỡng marking ống - Шаблон для маркировки	Xem yêu cầu kỹ thuật đính kèm./ Technical Requirement attached	Pce	5,00	
24	041.019.00348	Heat Shrinkable Sleeve Size 0.5", Green/Yellow Strip color, shrink ratio 2 : 1 (1 Reel = 100 m)		Roll	3,00	
25	009.004.00700	Pin AA /батарейка AA.		Pce	8,00	
26	041.005.00417	Băng keo điện Nano-Скотч - Изолента		Kg	10,00	
27	025.001.00185	Dây cảnh báo an toàn, nylon màu trắng và đỏ - Лента оградительная	Màu sắc: Trắng đỏ Độ rộng: ≥8cm Độ dài: 70 – 80 (m/cuộn) Chất liệu: nhựa PP	Roll	20,00	
28	053.024.00031	Phấn đá (hộp 20 viên)/ Каменный мел	Kích thước 105x10x5mm	Box	10,00	
29	053.024.00028	Phấn viết bảng, 100 viên/hộp - Мел белый		Box	10,00	
30	053.001.00472	Bút xóa pentel/ Thiên Long (hoặc tương đương) -	Cán bằng nhựa màu xanh lá. Đầu bút bằng kim loại có lò xo đàn hồi tốt.	Pce	50,00	



		Корректор				
31	055.030.00605	Xô sắt để đựng đầu mẫu que hàn. - Ведро металлическое для электродов	Vật liệu tôn tráng kẽm dày 1.2mm. Kích thước Ø250x250mm, có quai	Pce	10,00	
<b>GROUP 2: DỤNG CỤ VÀ PHỤ TÙNG THAY THẾ</b>						
32	117.003.01263*	Locking Ferrule 9S T10574 - Фиксирующая втулка		Pce	10,00	
33	117.003.01370*	Cartridge dust filter for flux recovery system FRU-5 - Lọc bụi thuốc hàn cho máy hút thuốc FRU-5		Pce	5,00	
34	083.009.00572*	Bộ chổi than cấp nguồn cho cầu trục - Угольные щётки	Bộ chổi than cấp nguồn cho cầu trục (1 bộ = 04 pcs) AKAPP C91A	Set	5,00	
35	083.009.00691*	Carbon brush 28.4/ Chổi than cấp nguồn 28.4 - Угольная щетка	Carbon brush 28.4/ Угольная щетка/ Chổi than cấp nguồn 28.4	Pce	16,00	
36	083.009.00337*	Chổi than 02.1 - Carbon brush 02.1 - Угольная щетка	Carbon brush 02.1 of electrical collector VAHLE type: SCN 40/4-5 Chổi than của bộ góp điện VAHLE SCN 40/4-5 brush 02.1	Pce	16,00	
37	032.006.00266	Tời tay 1.8 tấn - Ручной лебёдка	Chi tiết trong Yêu cầu kỹ thuật/ Подробные технические требования	Pce	1,00	
38	032.005.00155	Pa lãg xích 2 tấn/ Chain block 2 tons - Таль ручная цепная	Tải trọng: 2 tấn; Chiều cao nâng: 7m; Xích tải: 8x24mm; Xích kéo: 5x25mm	Pce	2,00	
39	028.013.00012	Kẹp tôn ngang 3T - Horizontal lifting clamp 3T - Захват горизонтальный 3 Тонн		Pce	4,00	
40	028.011.00065	MỐC CẦU ỐNG 2T A-378 - Гак такелажный	Loại A-378 WLL = 2T	Pce	4,00	
41	020.009.00034	TANAKA HC391 Cutting Torch - Bộ mỏ cắt cầm tay -		Pce	1,00	
42	013.014.00012	Máy cắt rùa CG1-30 hoặc tương đương - Машина для резки металла	Nguồn điện vào AC220V/50Hz, chiều dày cắt 6-100mm, tốc độ cắt 50-750 mm/phút, đường kính cắt 200-2000mm	Set	1,00	



43	013.011.00377	Máy mài dùi/ Straight Grinder - Прямая шлифовальная Машина	Máy mài thẳng cầm tay - Straight grinder Starting current limitation and soft start or the machine Voltage [U]: 230 V, 50/60Hz No-load speed : 10000 - 30000 rpm Toolholder Up to: 8 mm Diameter of shaft: 43 mm Rated power input: 650 W Rated power input: 380 W Weight without cable: 1.6 kg Grinding disc diameter, max. mm: 50 Function: heavy duty, constant speed, direct cooling, Speed selection, kickback control, soft start, overload protection	Pce	10,00	
44	013.011.00534	Máy mài cầm tay GWS17-150CI/ ШЛИФМАШИНКА/ ANGLE GRINDER BOSCH		Set	10,00	
45	019.008.00207	AC/DC Clamp Meter-Ampere kìm đo AC/DC - Токоизмерительные клещи	Measurement: Voltage AC/DC up to 600V Accuracy $\pm(1\%+5)$ . Current AC up to 2000A Accuracy $\pm(3\%)$ ; Resistance 400-400000 OM Accuracy $\pm(1.5\%+2)$ ; All inputs are protected to IEC 1010-1 cat III 1000V rating; AA alkaline battery.Complete with accessories, bag, test lead.In bidding document lists in detail accessories. Technical equal: Fluke 374	Set	5,00	
46	020.007.00088	Kìm hàn điện 500A. - Электрододержатель 500A	Kìm hàn điện 500A: Esab 500mA hoặc tương đương Có marking nổi model và nhà sản xuất lên kìm hàn Đầu kìm hàn được làm bằng hợp kim đồng Đầu kẹp chắc chắn để giữ que hàn ở mọi vị trí Tay cầm/tay kìm làm bằng sợi thủy tinh cách nhiệt tốt Có catalog của nhà sản xuất kèm theo hồ sơ chào thầu. CO và CQ bản sao (copy)	Pce	10,00	
47	012.009.00194	Kìm kẹp mát-Welding earth clamp - сварочная Клемма заземления	Welding Earth Clamp 550A; Earth Clamp C Type rated at 550 AMP ; Jaw Opening Max. 50mm ; Solid Construction ; Strong screw lock clamping force ; Easy to connect & disconnect ; Hold strong earth in all positions . Material :Copper; Refer shape of grounding clamp: Pic 1. Technical equal Nanoone NEC-550A	Pce	4,00	
48	117.003.00754*	Tweco Heavy Duty Rotary Earth Clamp 2000 amp, RG 640 - Кеп хоау phụ tải nặng 2000A, RG 640 - Зажим для массы	Tweco Heavy Duty Rotary Earth Clamp 2000 amp, RG 640 - 99501164 - Lincoln Tandem Powerwave Кеп хоау phụ tải nặng 2000A, RG 640	Pce	4,00	
49	010.001.01670	Đèn pha LED/Flood light LED/Светильник LED 100W - Đèn pha LED/Flood light LED/Светильник LED	"HKLED DPT100W or equivalent Applications: lighting of highway, squares Protection: IP65, class I, IK 08 Luminous efficacy : 120Lm/w Colour temperature: 3000-7000K	Pce	6,00	



			<p>Luminous Flux 12000 Lm  Typical CRI (Ra) &gt; 70  Input voltage: 200-240VAC/50hz  Power input: 100W  Chip led: Cree, Phillips, Samsung, Bridgelux, Nichia, Osram, Luxeon, Epistar, Edison, LG Innote, Toyoda Gosei  Rate power factor &gt;0.95  Ambient Temperature -25 to 60 degrees C  Housing made of die-cast aluminum  Standard compliance :IEC 60598,62031, 61347, 62717, 62722  TCVN 5828, 5829  Life time : 50.000h at 30 degrees C  Mouting: Bracket."</p>			
50	009.004.00747	Bộ sạc 2-4 pin NiMH AA hoặc AAA - Зарядное устройство может одновременно заряжать 2-4 NiMH батареи типа AA или AAA		Set	1,00	
51	010.009.00276	400V /3P+E/ 6H/ IP44 Industrial plug. - Промышленная вилка - Phích cắm công nghiệp	<p>Phích cắm công nghiệp 400V/IP44/3P+E/32A/6H  - Vật liệu vỏ: Polyamide 6  - Khả năng chịu nhiệt: 80o C  - Vị trí chân tiếp địa: 6h  - Tiếp điểm: đồng thau  - Kiểu đầu nối: ốc vít lực siết 110 Ncm  - Lõi vào cáp: Đầu siết cáp cho kích thước cáp 11.5-20mm OD, lực siết 600 Ncm  - Tiêu chuẩn: IEC 60309  - Nhân CE  PCE 024-6 hoặc tương đương</p>	Pce	20,00	
52	010.036.00299*	Khởi động từ DSUB 311, cuộn hút 110/50, 50 Hz - Контакттор	Khởi động từ DSUB 311, cuộn hút 110/50, 50 Hz	Pce	4,00	
53	010.003.00654	Ổ cắm điện đa năng/ Розетка		Pce	20,00	
54	010.003.00602	Industrial Multi Adapter. 1 Plug to 3 Sockets - Промышленный мульти-разъем электрический 1 вилка-3 розетки - Ổ cắm chia ba ngã, 1 cắm vào 3 ổ cắm	<p>IP67, Industrial Multi Adapter. 1 Plug to 3 Sockets (Fast Connect)/  Промышленный мульти-разъем электрический 1 вилка-3 розетки  Rating: 250V-16A  Type: 2P+E, IP 67  Standard: IEC 60309</p>	Pce	10,00	
55	010.012.00341	Domino 400A 4P - Domino/ Блок зажимов	<p>Rating insulation voltage : max 600V  Rating current: 250V 400A</p>	Pce	12,00	



			Poles description: 4P Insulation resistance min 100 M at DC 500V Dielectric strength : AC 2500V 50/60hz 1 min Rating suitable wire 150mm2 Terminal crew size M10			
56	010.003.00383	Ổ cắm công nghiệp (nối nhanh) IP67-4P, 380V-32A - Розетка промышленная переносная 4P 32A 380V защита IP67 (быстрый разъем)	IP67-4P-32A, industrial socket (fast connect) Rating: 380-415V Current: 32A Type: 3P+E, IP 67, Standard: IEC 60309 Type of installation: fastconnect	Set	20,00	
57	010.003.00470	Ổ cắm công nghiệp/ Industrial socket 16A 2P+E - Розетка промышленного электрического разъема	Industrial Socket 2P+E; IP66/67-16A/220-240V	Pce	40,00	
58	010.035.00455*	Cầu dao chống giật 4P-250A EBS204c/250/30 - Автоматический выключатель с защитой от утечки тока ELCB	Cầu dao chống giật 4P-250A EBS204c/250/30 – ELCB 4P-250A, EBS204c/250/30 or equipvalent	Pce	10,00	
59	010.035.00454*	Cầu dao chống giật 4P-400A/ ELCB 4P-400A EBN404c/400/30 - Автоматический выключатель с защитой от утечки тока ELCB	Cầu dao chống giật 4P-400A/ ELCB 4P-400A EBN404c/400/30 or equipvalent	Pce	4,00	
60	020.007.00019	Hand Crimping Tool KH-120 - Kim ép đầu cos bằng tay	Hand Crimping Tool KH-120 (KH-120)	Pce	2,00	
61	019.003.00431	Thước dây 50 mét - Рулетка ручная 50 м	Vò được chế tạo bằng chất liệu nhựa tổng hợp siêu bền - không co giãn khi sử dụng đạt độ chính xác cao - số được in hai mặt rõ ràng bằng mực in cao cấp chống mờ, chống xước - Độ dài 50 m	Pce	2,00	
62	080.014.00182*	Bộ mặt bích đầu cho máy mài góc GWS 17 - 150CI/ 150S - Bearing Flange - Запчасть для УШМ		Pce	30,00	
63	080.014.00188*	Phần ứng roto cho máy mài dùi GGS-5000L - Bosch	- Compatible with straight grinders machine GGS 5000 L, 230V, 50/60hz	Pce	10,00	



		Armature 1 619 P08 212 or equivalent - Запчасть для прямошлифо-вальной машины	- Armature 1 619 P08 212 or equivalent			
64	080.014.00170*	Field assembly 220-230V P/N: 1604220532 - CUỘN STATOR MÁY MÀI		Set	10,00	
65	080.014.00180*	Rotor máy mài góc GWS 17 - 150CI - Armature With Fan 230V - Ротор с вентилятором 230V	- Compatible with grinder machine GWS 17-150CI, 230V, 50/60hz - Armature With Fan 230V, P/N: 1 607 000 V36 or equivalent - Tương thích với máy mài GWS 17-150CI, 230V, 50/60hz - Rotor kèm cánh quạt 230V 1 607 000 V36 hoặc tương đương	Pce	20,00	
66	080.014.00222*	Armature With Fan 230V / Phụ tùng Rotor máy mài GWS 17-150S - Ротор с вентилятором		Pce	20,00	
67	080.014.00221*	Field assembly 220-230V P/N: 1 604 220 56R - - Подбор статора		Pce	10,00	
68	117.003.01262*	Nozzle body 9SS10157 - Корпус Сопла/ Thân ống đồng cho K231	Nozzle body suitable with Submerged Arc Contact Nozzle (K231) for 5/32" wire size equivalent to S10157	Pce	10,00	
69	117.003.00393*	Submerged Arc Contact Nozzle Assembly K231 - Đầu dẫn dây hàn hồ quang chìm./ Соединитель	Submerged Arc Contact Nozzle Assembly for 3/32 in. (2.4 mm), 1/8 in. (3.2 mm) and 5/32 in. (4.0 mm) electrodes. NET WEIGHT 2.70 (1.22 kg) Suitable with NA-5S code 9145; 9147; 9338; 9807; 9808; 9809; 10315; 11286. LT7, MAXsa 10	Set	5,00	
70	117.003.01258*	Flux cone KP2085-1 - Конус флюсовый/ Phễu đầu tips hàn		Pce	10,00	
71	117.003.01260*	Logic P.C. Board - L5927-2 - Mạch kiểm soát quá trình	Logic P.C. Board suitable with LT 7 code above 7900 equivalent to L5927-[ ]	Pce	1,00	
72	117.003.01093*	Control Board Assembly - POWER WAVE AC/DC 1000 SD - Mạch điều khiển	Control Board Assembly - S27568-9 - POWER WAVE AC/DC 1000 SD Mạch điều khiển POWER WAVE AC/DC 1000 SD	Pce	1,00	
73	117.003.00008*	Lincoln. Control PCB. G1585-2 - Mạch kiểm soát/ Контрольная плата	G1585-2	Pce	1,00	



74	117.003.00697*	Switch P.C. Board Assembly - Mạch điều khiển đóng mở	G4795	Pce	1,00	
----	----------------	---	-------	-----	------	--

(\*) : New items

**Giám đốc XN - Директор Предприятия** Signed by: Phạm Thanh Bình  
Date: 05/09/2025 20:40:25 **Phạm Thanh Bình**  
Certified by: Vietsovpetro CA

**Thỏa thuận/ Согласовано:**

Signed by: Елкин Игорь  
Анатольевич  
Date: 05.09.2025 10:22:57  
Certified by: Vietsovpetro CA  
**Phó GD Vật tư XNXL** \_\_\_\_\_ **Елкин Игорь Анатольевич**

**Ký tắt/Viza:**

Signed by: Đồng Văn Nường  
Date: 28/08/2025 13:54:55  
Certified by: Vietsovpetro CA  
**Trưởng phòng Kỹ thuật XNXL** \_\_\_\_\_ **Đồng Văn Nường**

Signed by: Trương Văn Bá  
Date: 28/08/2025 13:22:56  
Certified by: Vietsovpetro CA

Signed by: Trương Xuân Thủy  
Date: 28/08/2025 13:44:50  
Certified by: Vietsovpetro CA  
**Trưởng phòng Vật tư XNXL** \_\_\_\_\_ **Trương Xuân Thủy**

**Người thực hiện /Исполнитель:**

Signed by: Tạ Chánh Phát  
Date: 28/08/2025 08:13:25  
Certified by: Vietsovpetro CA  
**Kỹ sư Vật tư XNXL** \_\_\_\_\_ **Tạ Chánh Phát**





## RC12 WELLHEAD PLATFORM

### “PHÊ DUYỆT” Phó Giám Đốc XNXLKS&SC

Signed by: Nguyễn Thế Văn  
Date: 13/08/2025 13:47:00  
Certified by: Vietsovpetro CA

**Nguyễn Thế Văn**

## YÊU CẦU KỸ THUẬT DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12


**TÀI LIỆU SỐ: OCD-RC12-TR-40.2**

**NGÀY : 08/2025**

**REV : 0**

**PHÁT HÀNH CHO ĐẦU THẦU**



	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>	DOC. NO.	<b>OCD-RC12-TR-40.2</b>
	<b>DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12</b>	REV.	0
		Page 2 of 4	

## 1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG.

- Tài liệu này cung cấp các yêu cầu về dụng cụ và vật tư tiêu hao cho hàn, cắt, phụ tùng thay thế cho thiết bị, NDT và các vật tư tiêu hao khác để phục vụ công việc thi công cuốn ống chân đế và thượng tầng công trình **RC12**.
- Điều kiện và môi trường sử dụng: Môi trường chịu tác động ẩm, ăn mòn biển nhiệt đới, nhiệt độ môi trường làm việc 16 - 45 độ C. Độ ẩm 30-90 %.

## 2. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HÀNG HÓA.

- **Tình trạng hàng hoá:** Hàng hóa phải còn mới và chưa qua sử dụng.
  - Trong chào hàng cần ghi rõ tên gọi, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất và xuất xứ của từng mục vật tư thiết bị.
- **Năm sản xuất:** Hàng hóa được sản xuất từ năm **2024 trở về sau**.
- **Thời hạn bảo hành:**
  - Nhà thầu phải bảo hành cho tất cả các mục hàng hóa. Thời hạn bảo hành là **12 tháng** kể từ ngày giao hàng.
  - Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành cho toàn bộ các hạng mục hàng hóa do nhà thầu thực hiện, thời gian bảo hành phải ghi rõ trong hồ sơ chào thầu. Toàn bộ chi phí nhân lực - vật tư - thiết bị phục vụ cho công tác thực hiện bảo hành do nhà thầu chịu.

## 3. YÊU CẦU KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI VẬT TƯ.

- Nhà thầu cần xác nhận và cung cấp các tài liệu kỹ thuật liên quan để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa về các Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và chủng loại vật liệu được mô tả trong **Phụ lục 1: “Danh mục Dụng cụ và vật tư tiêu hao cho cuốn ống giàn RC12”**
- **Đối với vật tư đá mài, đá cắt các loại:**
  - Tiêu chuẩn chế tạo: Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế đối với đá mài, cắt như AS 1788.1/ EN 12413 và đạt được tiêu chuẩn OSA (Organisation for Safety of Abrasives)
  - Trên sản phẩm phải Marking (phải sơn phủ/ không dán giấy lên bề mặt đĩa) đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn AS 1788.1/ EN12413 (Safety requirements for Bonded Abrasive Products) và logo OSA (Organisation for Safety of Abrasives).
- Tiêu chuẩn chế tạo các vật tư khác: Phải phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc tế và Tiêu chuẩn, Quy trình kiểm định, Quy chuẩn của Việt Nam về chế tạo thiết bị nâng, hàn, cắt Kim loại, ống dẫn khí cắt Kim loại, v.v... và theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.





**YÊU CẦU KỸ THUẬT**  
**DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO**  
**CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12**

DOC. NO.

OCD-RC12-TR-40.2

REV.

0

Page 3 of 4

#### 4. XUẤT XỨ HÀNG HÓA.

- Nhà thầu được khuyến nghị xuất xứ hàng hóa theo các nước gồm: **Russia, EU, G7, Australia, Korea, Malaysia, Singapore, Thailand, Indonesia, Vietnam.**
- Tiêu chuẩn đánh giá hàng hóa từ các xuất xứ khác nhau được quy định theo bảng điểm đính kèm hồ sơ mời thầu, mỗi phương án là một nhà sản xuất và có các tài liệu hỗ trợ kỹ thuật và xuất xứ đi kèm đối với nhà sản xuất đó.
- Trường hợp nhà thầu đưa ra nhiều xuất xứ cho một mục hàng, Vietsovpetro sẽ đánh giá mục hàng đó theo xuất xứ có điểm thấp nhất.
- Trong giai đoạn đánh giá Hồ sơ dự thầu, đối với các hàng hoá có xuất xứ từ các nước đang trong tình trạng xung đột vũ trang, bị trừng phạt hoặc cấm vận mà việc nhập khẩu hàng hoá đó có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng thì nhà thầu phải có các giải trình, cam kết về khả năng thực hiện cung cấp hàng để bên mời thầu đánh giá. Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Bên mời thầu có toàn quyền xem xét và quyết định loại các hồ sơ dự thầu, không đánh giá tiếp nếu Bên mời thầu cho rằng có bất kỳ yếu tố rủi ro cho việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng. Trong trường hợp đó, điểm của Mục 4 của TCDG sẽ bằng “0”.

#### 5. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG.

- Thời gian giao hàng không muộn hơn **70 ngày** lịch kể từ ngày có thông báo trúng thầu tại bãi thi công của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro số 67 đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP Hồ Chí Minh.
- *Ghi chú:* Nhà thầu phải tuân thủ các qui định về an toàn trong quá trình giao hàng tại kho bãi XNXL KS&SC.

#### 6. YÊU CẦU VỀ SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA.

- Cung cấp đúng số lượng theo từng mục và đầy đủ theo từng nhóm vật tư như phụ lục 1: **“Danh mục Dụng cụ và vật tư tiêu hao cho cuộn ống giàn RC12”**
- Hàng hóa phải được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo thuận tiện trong việc vận chuyển và bảo quản trong kho.
- Bao bì hàng hóa bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: Ký mã hiệu sản phẩm, tên nhà sản xuất, ... Trên hàng hóa có dấu hiệu nhận dạng của nhà sản xuất.

#### 7. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT.

- Nhà thầu cung cấp tất cả các Catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hoặc mẫu thử của nhà sản xuất có chỉ rõ Model (loại) và các thông số kỹ thuật của hàng hóa mà nhà thầu đã chào trong Phụ lục 1. Tài liệu kỹ thuật, catalogue phải ghi rõ



	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>	DOC. NO.	<b>OCD-RC12-TR-40.2</b>
	<b>DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO</b>	REV.	0
	<b>CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12</b>	Page 4 of 4	

mục hàng hóa và được đóng dấu giáp lai của công ty (không áp dụng cho đấu thầu qua mạng).

## 8. CHỨNG CHỈ.

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Chứng chỉ xuất xứ & Chứng chỉ chất lượng, số lượng (CO và CQ) các mục hàng hóa được nêu cụ thể trong phụ lục 1 “ **Danh mục Dụng cụ và vật tư tiêu hao cho cuộn ống giàn RC12** ” bao gồm:
  - **Đối với các mục hàng hóa sản xuất tại Việt Nam:**
    - Nhà thầu phải cung cấp chứng chỉ (hoặc giấy chứng nhận) xuất xưởng và chứng chỉ (hoặc giấy chứng nhận) về chất lượng của nhà sản xuất: Bản chính hoặc bản sao y có xác nhận của nhà sản xuất (hoặc đại lý của nhà sản xuất) .
  - **Đối với các mục hàng hóa được nhập khẩu từ nước ngoài:**
    - **Chứng chỉ về nguồn gốc xuất xứ (CO):** Bản chính (gốc) hoặc bản điện tử gốc có địa chỉ để kiểm tra hoặc bản sao y (có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) hoặc bản sao y (có kèm theo bản gốc để đối chứng).
    - **Chứng chỉ về chất lượng (CQ):** Bản chính (gốc) hoặc bản sao y (có chứng thực của nhà sản xuất hoặc đại diện của nhà sản xuất tại Việt.
- Chứng nhận bảo hành tối thiểu 12 tháng của Nhà cung cấp (bản gốc).

## 9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.

- Các chào hàng kỹ thuật sẽ được đánh giá **từng nhóm** theo Bảng chấm điểm chào hàng kỹ thuật kèm theo.

## 10. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM.

- Phụ lục 1: *Danh mục Dụng cụ và vật tư tiêu hao cho cuộn ống giàn RC12.*

### **Kiểm tra:**

Trưởng phòng kỹ thuật - XNXL Signed by: Đồng Văn Nhường  
Date: 13/08/2025 11:45:23  
Certified by: Vietsovetro CA **Đồng Văn Nhường**

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL Signed by: Nguyễn Văn Thọ  
Date: 13/08/2025 09:52:23  
Certified by: Vietsovetro CA **Nguyễn Văn Thọ**

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL Signed by: Trần Văn Tuấn  
Date: 13/08/2025 10:26:14  
Certified by: Vietsovetro CA **Trần Văn Tuấn**

### **Chuẩn bị:**

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL Signed by: Trương Văn Bá  
Date: 13/08/2025 07:48:24  
Certified by: Vietsovetro CA **Trương Văn Bá**



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO  
CUỐN ỐNG CHO GIÀN RC12**

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
<b>I. VẬT TƯ TIÊU HAO</b>						
1	Đá mài Ø180 x 6 x 22 mm	80m/s, 8500 rpm, A24Etrax, Tiêu chuẩn EN 12413 Marking sơn phủ lên bề mặt đĩa đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn EN12413	viên	100	CO và CQ bản sao (copy)	
2	Đá cắt Ø 180 x 3 x 22 mm	80m/s, 8500 rpm, A24Etrax, Tiêu chuẩn EN 12413 Marking sơn phủ lên bề mặt đĩa đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn EN12413	viên	100	CO và CQ bản sao (copy)	
3	Đá mài Ø 150 x 6 x 22 mm	80m/s, 10200 rpm A24Etrax, Tiêu chuẩn EN 12413 Marking sơn phủ lên bề mặt đĩa đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn EN12413	viên	400	CO và CQ bản sao (copy)	
4	Đá cắt Ø150 x 3 x 22.23mm	80m/s, 10200 rpm A24Etrax, Tiêu chuẩn EN 12413 Marking sơn phủ lên bề mặt đĩa đầy đủ thông tin theo tiêu chuẩn EN12413	viên	400	CO và CQ bản sao (copy)	
5	Đá mài quả nhót	Đá mài quả nhót Wolfram, đuôi Ø6	cái	12	CO và CQ bản sao (copy)	
6	Đĩa nhám xếp Ø100mm	Kích thước: Ø100mm Độ nhám: A40 (mài phá, làm sạch thô) Lỗ trục: 16mm Chất liệu hạt mài: Aluminum Oxide (A) Tốc độ làm việc tối đa: 63m/s Tham khảo Đĩa ráp xếp Lion King D100 cấp độ nhám A40 Hoặc tương đương	cái	25	CO và CQ bản sao (copy)	
7	Đĩa nhám xếp Ø100mm	Kích thước: Ø100mm Độ nhám: A80 (mài phá, làm sạch thô) Lỗ trục: 16mm Chất liệu hạt mài: Aluminum Oxide (A) Tốc độ làm việc tối đa: 63m/s Tham khảo Đĩa ráp xếp Lion King D100 cấp độ nhám A80 hoặc tương đương	cái	25	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
8	Đĩa nhám xếp Ø100mm	Kích thước: Ø100mm Độ nhám: P60 Lỗ trục :16 Chất liệu hạt mài: Aluminum Oxide (A) Tốc độ làm việc an toàn : 63 m/s Tham khảo : Bosch standard metal X433. Mã sản phẩm: X433.60	cái	25	CO và CQ bản sao (copy)	
9	Bếp cắt khí Propan No.3 - Propane cutting tip size 3	Chiều dày cắt: 2-2.1/2 (inch). Tham khảo Bếp cắt Tanaka	cái	15	CO và CQ bản sao (copy)	
10	Bếp cắt khí Propan No.4 - Propane cutting tip size 4	Chiều dày cắt: 3 (inch). Tham khảo Bếp cắt Tanaka	cái	15	CO và CQ bản sao (copy)	
11	Kính trắng cho mặt nạ hàn kích thước 3x50x105mm	Sử dụng cho nón hàn Vật liệu: Polycarbonate Kích thước: 3x 50 x105 mm	cái	500	CO và CQ bản sao (copy)	
12	Mo cắt	Bộ bao gồm: - Mo cắt vật liệu nhựa cao cấp có độ bền cao, bọc thêm viền nhôm mềm để uốn khi sử dụng. Màu sắc: đen, P/N: FC48G5 - Khung lo xo A2, P/N: AH-A2	Bộ	10		
13	Mo mài	Bộ bao gồm: - Mo mài vật liệu nhựa cao cấp có độ bền cao, bọc thêm viền nhôm mềm để uốn khi sử dụng. Màu sắc: trắng, P/N: FC48. - Khung lo xo A2, P/N: AH-A2	Bộ	10		
14	Đầu cốt đồng Ø50, lỗ Ø10	Đầu cốt 50 Sử dụng nối dây hàn. Đầu cốt bằng đồng Ø50mm lỗ Ø10 , vật liệu ETP-Copper, bề mặt mạ thiếc, Nhiệt độ làm việc từ: -55 đến 150°C)	cái	50		
15	Đầu cốt đồng Ø95, lỗ Ø12	Đầu cốt 90 Sử dụng nối dây hàn. Đầu cốt bằng đồng Ø90mm lỗ Ø12, vật liệu ETP-Copper, bề mặt mạ thiếc, Nhiệt độ làm việc từ: -55 đến 150°C	cái	50		
16	Bu lông M10x25 kèm đai ốc & vòng đệm	Bu lông thép mạ kẽm độ bền 8.8 M10x25 M10x25 Hexagon head, high tensile grade 8.8 bright zinc plated, with washer, nut	Bộ	100	CO và CQ bản sao (copy)	
17	Sơn đen làm nền marking ống	son 1 thành phần	lít	100	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
18	Sơn vàng Marking nhận dạng Type I, VI	son 1 thành phần	lít	30	CO và CQ bản sao (copy)	
19	Dung dịch làm sạch RP7	Dung dịch làm sạch RP7 chống rỉ và làm sạch mạch điện - khô nhanh. Loại có màu xanh lá cây (Green). Dung tích 360 ml (Selleys).	Chai	50		
20	Chai xịt chống rỉ sét, bôi trơn WD-40 412ml	WD-40 412ml	Chai	50		
21	Apollo Silicone Sealant A500-Oxime	Sealant A500-Oxime (310ml/Tube)	Chai	50		
22	Mỡ bôi	Cấp NLGI: 2. Nhiệt độ làm việc: -20°C đến ≥150°C (ngắn hạn tới 180–200°C). Điểm nhỏ giọt: ≥250°C. Độ nhớt dầu gốc: ~220 cSt (40°C). Chịu tải 4-Ball Weld Load: ≥250 kgf. Tính năng: Chống mài mòn, chống rỉ, chống oxy hóa, bám dính tốt.	kg	18	CO và CQ bản sao (copy)	Loại mỡ Bôi trơn máy cuốn ống Haeusler & Davi
23	Dưỡng marking ống	Chất liệu bằng mica, cắt CNC, mẫu kích thước sẽ do XNXL cung cấp	cái	5		
24	Ống co nhiệt vàng/xanh để bọc cáp tiếp địa, đầu cos cáp	Loại : Heat shrinkable tubing of yellow/green colour 16.0 - 8.0 . Chiều dài cuộn :100m/Reel tỷ lệ co : 2:1 shrinkage ratio	Cuộn	3		
25	Pin Ni-MH 1.2V	-Kích thước AA-Hãng sản xuất: panasonic or equivalent	viên	8		
26	Băng keo điện Nano. W	Width: 18 mm; Black color. Good quality Nano PVC Tape	Kg	10		
27	Dây cảnh báo an toàn, nylon màu trắng và đỏ	Chất liệu: nhựa PP Màu sắc: Trắng - đỏ Chiều rộng: 8cm Chiều dài: 100m Cảnh báo: khu vực cấm vào	cuộn	20		
28	Phần đá (hộp 20 viên)	Phần đá (hộp 20 viên) Kích thước 105x10x5mm	hộp	10		
29	Phần viết bảng học sinh	100 viên/ hộp	hộp	10		
30	Bút xóa pentel/ Thiên Long (hoặc tương đương)	Thiên Long (hoặc tương đương)	cái	50		

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
31	Xô sắt để đựng đầu mẫu que hàn.	Vật liệu tôn tráng kẽm dày 1.2mm. Kích thước Ø250x250mm, có quai	cái	10		
<b>II</b>	<b>DỤNG CỤ VÀ PHỤ TÙNG THAY THẾ</b>					
1	Vật tư nối dây hàn ( Vòng kẹp khóa )	Tham khảo loại Locking femrle T10574 hoặc tương đương	cái	10		
2	Bộ lọc thuốc hàn	Loại lọc : Cartridge dust filter air-lọc bụi khí dạng tròn (primary round) : - Hình dạng : Tròn - Đường kính ngoài : 140 mm - Đường kính trong: 80 mm - Chiều dài: 120 mm Tham khảo loại Cartridge dust filter for flux recovery system FRU5	Bộ	5	CO và CQ bản sao (copy)	
3	Bộ chổi than cấp nguồn cho cầu trực	Tương thích với cầu trực : AKAPP C91 01 bộ bao gồm : 01 khối chổi than có lò xo đàn hồi 01 khung đỡ / giá giữ chổi 01 Dây dẫn kết nối (có terminal hoặc đầu cos) 01 vít, phụ kiện lắp đặt	Bộ	5		
4	Chổi than cấp nguồn 28.4	Chổi than 28.4; Volt: 400VAC; Amp: 120A (including with springs, carbon brush boxes)	cái	16		
5	Chổi than của bộ góp điện VAHLE SCN 40/4-5 (Mã 02.1)	Chổi than 02.1; Volt : 400VAC; Amp : 40A. PN: 0254890/00. Including with springs, carbon brush boxes.	cái	16		
6	Tời tay 1.8T	Tải trọng định mức: 1,8 tấn (1800 kg) Kiểu vận hành: quay tay (có hoặc không có phanh hãm) Tỷ số truyền: khoảng 4:1 – 8:1 (tùy model) Cáp đi kèm: thường dùng cáp thép Ø6–10 mm, chiều dài 10–50 m Vật liệu: thép sơn tĩnh điện hoặc thép mạ kẽm chống gỉ Tham khảo Model: hand winch thern m452b Cáp thép kèm trong tời: 50m hoặc tương đương	Cái	1	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
7	Pa lăng xích 2T -Xích kéo hành trình: 3m	Tải trọng làm việc SWL: 2 Tấn Hành trình: =3M- Chứng chỉ kiểm định lần đầu của kiểm định Việt Nam áp dụng cho các mục Palang (bản gốc)- Lý lịch thiết bị nâng hạ theo QCVN 7:2012/BLĐTBXH – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng áp dụng cho các mục Palang (bản gốc) & tài liệu hồ sơ theo quy định QTKĐ13-2016/BLĐTBXH. Nhà thầu cần thông báo trước khi kiểm định lần đầu 3 ngày để XNXL có kế hoạch tham gia kiểm soát. Nhà thầu cung cấp đính kèm trong giai đoạn đấu thầu tài liệu kỹ thuật & catalog do nhà sản xuất phát hành rộng rãi. Không chấp nhận tài liệu do nhà thầu tự làm.	Cái	2	CO và CQ bản sao (copy)	
8	Kẹp tôn 3 tấn	Tải trọng cho phép (W.L.L)3.0 tấn Phạm vi mở miệng kẹp 0 – 60 mm Trọng lượng 7.6 kg Hướng kẹp Kẹp ngang (Horizontal Lifting) Vật liệu Thép hợp kim cường độ cao Cơ chế khóa Lò xo giữ kẹp khi chưa chịu tải Tham khảo Model: HPC3N Supertool hoặc tương đương	Cái	4	CO và CQ bản sao (copy)	
9	Móc cầu A-378	Móc cầu A-378 Crosby A-378 2T Sorting hook with handle (WLL: 2T - Tip / 7.5T Bottom)/ Crosby A-378	cái	4	CO và CQ bản sao (copy)	
10	Mỏ cắt	Dùng để cắt kim loại bằng Oxy & Gas- Khả năng cắt 2 - 150mm- Chiều dài đèn cắt 512mm- Trọng lượng 1.08Kg- Góc cắt 90 độ- Dùng béc cắt cho gas 3051GE- Tay cầm và đầu mỏ bằng đồng, thân mỏ bằng thép trắng Tham khảo TANAKA HC-391 hoặc tương đương	cái	1	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
11	Rùa cắt	Rùa cắt 04 ray cắt Điện nguồn: 1 pha 220V, 50Hz Chiều dày cắt: 6-50 mm Tốc độ cắt: 100-1000 mm/min Góc cắt vát: 0-450 Tham khảo Rùa cắt tanaka C/w 04 ray cắt hoặc tương đương	bộ	1	CO và CQ bản sao (copy)	
12	Máy mài dùi/ Straight Grinder	Công suất định mức: 750 W Tốc độ không tải: 33 000 vòng/phút Đường kính mũi kẹp tối đa (collet): Ø 6 mm Tham khảo Bosch GGS 30 LS Professional hoặc tương đương	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
13	Máy mài cầm tay Φ150	Công suất: 1700 W Tốc độ không tải: ~9 300 v/p Đường kính đĩa: 150 mm Trọng lượng: 2.5 kg Ren trục: M14 Thao khảo Bosch GWS 17-150 S hoặc tương đương	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
14	Ampe kìm	Đo AC/DC đến 1000 A, 1000 V, True RMS, đa chức năng, NCV, LoZ, pin, độ phân giải 6000 counts, tiêu chuẩn CAT III/IV Tham khảo Ampe kìm ac/dc APECH AC-199 (1000V/1000A) Có catalog của nhà sản xuất kèm theo hồ sơ chào thầu.	Bộ	5	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
15	Kìm hàn điện 500A.	Welding current: Up to 500Amps, maximum electrode size 3/8". Maximum cable size: 70mm <sup>2</sup> ; Weight: 500g; Length: 250 mm. Được làm từ thép hợp kim đồng độ bền cao. Vỏ bọc bên ngoài kìm là nhựa cứng, cách điện và chịu được nhiệt độ cao. Tay nắm được bọc sợi các bon chịu nén và va đập cao. Xuất xứ Mỹ hoặc EU-G7	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
16	Kẹp mát làm việc	Dòng định mức: Có thể lên tới 2000A Cơ cấu kẹp: Loại xoay tròn (Roto-Work), Vật liệu: Đồng mạ/đồng nguyên chất, tiếp xúc tốt, chống ăn mòn Kích thước phù hợp: Cáp hàn từ 4/0 AWG trở lên Tham khảo loại Tweco Roto-Work WCRG-2000 Ground Clamp, Fits RG-440/640 hoặc tương đương	cái	4		
17	Kẹp xoay phụ tải	Clamp 2000 amp, RG 640 Kẹp xoay phụ tải nặng 2000A, RG 640 tham khảo Tweco Heavy Duty Rotary Earth hoặc tương đương	cái	4		

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
18	Đèn pha LED 100W	<p>Đèn pha LED 100W kiểu xương cá, gồm 2 mắt Led, mỗi mắt Led được bảo vệ bởi thấu kính lồi riêng biệt, lúp tản sáng 130o</p> <p>Vỏ được làm bằng nhôm đúc, cấp bảo vệ: IP65, class I, IK 8. Hiệu suất phát quang: 150Lm/w. Nhiệt độ màu: 6500K. Lưu lượng ánh sáng: 15000 Lm. CRI (Ra) &gt; 70</p> <p>Điện áp đầu vào: 200-240VAC/50hz, 100W. Chip led COB: Cree, Phillips, Samsung, Bridgelux, Nichia, Osram, Luxeon, Epistar, Edison, LG Innote, Toyoda Gosei. Hệ số công suất &gt;0.95</p> <p>Nhiệt độ môi trường -25 đến 60 độ C</p> <p>Góc chỉnh đèn: 180o. Thời gian sử dụng: 50.000h ở 30 độ C. Kiểu lắp đặt: Giá đỡ hình chữ U FTX-X100-S6LEN, DAXIN100-4 hoặc tương đương</p>	cái	6	CO và CQ bản sao (copy)	
19	Bộ sạc pin AA	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hãng sản xuất: panasonic or equivalent</li> <li>- Tương thích với Pin Ni-MH 1.2V , kích thước AA</li> <li>- Số khe sạc: 4 khe sạc size AA</li> <li>- Điện áp: 220V, 50/60Hz</li> <li>- Đèn led thể hiện tiến trình sạc</li> <li>- Hệ thống an toàn tích hợp: Tự động ngắt sạc khi đầy ( detection hoặc timer), bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ ngược cực, chống quá áp và quá dòng, phát hiện pin hệ tuổi thọ</li> <li>- Tự động ngừng sạc khi pin đầy</li> </ul>	Bộ	1	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
20	Phích cắm công nghiệp 32A 3P+E; IP44	Phích cắm công nghiệp / Industrial plug 400V/IP44/3P+E/32A/6H, PCE F024-6 or equivalent: - housing material: PA6 - clock-position: 6h - contacts: brass - connection technology: screw terminals - Standard: IEC 60309	cái	20		
21	Khởi động từ DSUB 311, cuộn hút 110/50, 50 Hz.	Loại: Khởi động từ. Điện áp :110 AC, Tần số 50hz Tiêu chuẩn : IEC 60947-4-1	cái	4	CO và CQ bản sao (copy)	
22	Straight Flush Mount Panel Socket 400V/3P+E/32A/6H/ IP44	Straight Flush Mount Panel: Socket 400V/3P+E/32A/6H/ IP44 - Housing material Polyamide 6 - Temperature resistance: 80o C - clock-position: 6h - With screw terminals, contact screws 110 Ncm - Standard: IEC 60309 - CE Marking PCE 324-6 or equivalent	cái	20	CO và CQ bản sao (copy)	
23	Bộ chuyển đổi đa nhiệm công nghiệp, 1 cắm vào 3 ổ cắm IP44	Bộ chuyển đổi đa nhiệm công nghiệp, 1 cắm vào 3 ổ cắm IP44 Connector 3-way 3 x 16A/ 220V/2P+E/ IP44 - housing material: PC/ABS - clock-position: 6h - contacts: brass nickel plated - Standard: IEC 60309 - CE Marking PCE 943200 or equivalent	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
24	Cầu đấu nối điện Domino 400A 4P	<p>Rating insulation voltage : max 600V  Rating current: 250V 400A  Poles description: 4P  Insulation resistance min 100 M at DC 500V  Dielectric strength : AC 2500V 50/60hz 1 min  Rating suitable wire 150mm2  Terminal crew size M10</p>	cái	12	CO và CQ bản sao (copy)	
25	Ổ cắm công nghiệp 32A; 6h/380-415vAC; 3P+E; IP67	<p>Dòng điện định mức: 32A  Điện áp danh định: 380–415VAC / 50–60Hz  Cấu hình chân: 3P + E (3 pha + tiếp địa)  Vị trí tiếp điểm: 6h (màu đỏ – phù hợp điện áp 400V)  Cấp bảo vệ: IP67 (chống bụi và ngâm nước tạm thời)  Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60309-1, IEC 60309-2  Vật liệu vỏ: Nhựa kỹ thuật (PA6 hoặc tương đương), chịu nhiệt, chống va đập, không cháy lan</p>	cái	20		
26	Ổ cắm công nghiệp/ Industrial socket 16A 2P+E	<p>Dòng định mức 16 A  Số cực 2P+E (1 pha + dây trung tính + dây tiếp địa)  Điện áp định mức 220–250 VAC  Tần số 50/60 Hz  Cấp bảo vệ IP44 (chống tia nước bắn) hoặc IP67 (chống bụi/nước ngâm, tùy chọn)  Màu vỏ Xanh dương (theo IEC 60309 cho điện áp 200–250 V)  Vật liệu Nhựa kỹ thuật chịu nhiệt, chống va đập (PA6, PC, ABS...)  Góc định vị chân tiếp địa 6h (chuẩn IEC)  Tiêu chuẩn IEC 60309-1, IEC 60309-2 hoặc TCVN tương đương  Nhiệt độ làm việc –25 °C đến +80 °C  Chứng nhận an toàn CE, TUV hoặc tương đương</p>	cái	40	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
27	Cầu dao chống giật 4P-250A	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rated residual current: 30mA, Instantaneous type</li> <li>- Poles description: 4P</li> <li>- [In] rated current 250 A</li> <li>- [Icu] breaking capacity : 37 kA</li> <li>- Operation Voltage: 460VAC, 50/60 Hz</li> <li>- Rated impulse withstand voltage [Uimp]: 6kV</li> <li>- Protection type: Short-circuit protection (magnetic) and Overload protection (thermal) and Ground fault</li> <li>- Standards IEC 60947-2</li> <li>- CE marking</li> </ul> Tham khảo Earth Leakage Circuit Breaker 4P-250A, EBS204c/250/30 or equipvalent	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
28	Cầu dao chống giật 4P-400A	CEarth Leakage Circuit Breaker 4P-400A, EBN404c/400/30 or equipvalent <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rated residual current: 30mA, Instantaneous type</li> <li>- Poles description: 4P</li> <li>- [In] rated current 400 A</li> <li>- [Icu] breaking capacity : 37 kA</li> <li>- Operation Voltage: 460VAC, 50/60 Hz</li> <li>- Rated impulse withstand voltage [Uimp]: 6kV</li> <li>- Protection type: Short-circuit protection (magnetic) and Overload protection (thermal) and Ground fault</li> <li>- Standards IEC 60947-2</li> <li>- CE marking</li> </ul>	cái	4	CO và CQ bản sao (copy)	
29	Kìm dập đầu cos cáp	Hand crimping tools Tham khảo model: KH-120 hoặc tương đương	Cái	2	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
30	Thước dây 50 mét	Dây sợi thủy tinh, khung mờ, tay quay. Tham khảo Stanley 34-262: 50m hoặc tương đương	cái	2	CO và CQ bản sao (copy)	
31	Bearing Flange	Phụ tùng máy mài góc GWS 17 -150C Tham khảo Bosch 1607000D63 Bearing Flange hoặc tương đương	cái	30	CO và CQ bản sao (copy)	
32	Phần ứng roto cho máy mài dùi GGS-5000L	Phần ứng roto cho máy mài dùi GGS-5000L Tham khảo Bosch Armature 1619P08212	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
33	Cuộn stator máy mài	Phụ tùng thay thế cho máy mài 150 (Cuộn stator máy mài): Field assembly 220-230V P/N:1604220532	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
34	Rotô có cánh quạt /Armature With Fan (230 V.)	Phụ tùng thay thế cho máy mài 150 GWS 17-150 CI: Armature With Fan 230V P/N: 1607000 V36	cái	20	CO và CQ bản sao (copy)	
35	Rotô có cánh quạt /Armature With Fan (230 V)	Phụ tùng thay thế cho máy mài 150 GWS 17-150S Armature With Fan 230V P/N: 1 607000 EJ6	cái	20	CO và CQ bản sao (copy)	
36	Field Assembly (cuộn stator – phần cảm ứng tĩnh)	Phụ tùng thay thế cho máy mài 150: Field assembly 220-230V P/N: 1604 220 56R	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
37	Nozzle body	Phụ tùng thay thế cho máy hàn 02 mô tandem & máy hàn 01 mô LT7 tham khảo Nozzle body for NA5, LT7, MA,Ga 10 PN:9SS10157	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
38	Submerged Arc Contact Nozzle	Phụ tùng thay thế cho máy hàn 02 mô tandem & máy hàn 01 mô LT7 : Tham khảo Submerged Arc Contact Nozzle (K231) for 5/32" wire size for NA5 code 9145; 9147; 9338; 9807;9808;9809; 10315; I1266,LT7, MAXsa 10 hoặc tương đương	Bộ	5	CO và CQ bản sao (copy)	
39	Phễu đầu tips hàn Flux cone	Tương thích với K231-1 Submerged Arc Torch Đường kính dây phù hợp 5/64" – 7/32" (~2.0 – 5.5 mm) Tham khảo Flux cone KP2085-1 hoặc tương đương	cái	10	CO và CQ bản sao (copy)	
40	Control P.C board	Tương thích với cho máy hàn LT-7 hoặc máy hàn 2 mô tandem tham khảo Control P.C board (K227/K395)-Code trên 7900 Tên linh kiện chính: Control P.C. Board – Mã: L6959 (Bo mạch điều khiển chính, điều khiển hoạt động máy hàn LT7) Các bo mạch liên quan khác: Logic P.C. Board – L5927 Variable Voltage P.C. Board – L5394	Bộ	1	CO và CQ bản sao (copy)	
41	Control Board Assembly – Power Control Board	Dùng cho bộ nguồn hàn công nghiệp : POWER WAVE AC/DC 1000 SD Tham khảo Control Board Assembly S27568-9	Bộ	1	CO và CQ bản sao (copy)	
42	Control P.C Board	Phụ tùng thay thế cho máy hàn tự động DC-1000 Tham khảo Control P.C Board G 1585-2 or equivalent	Bộ	1	CO và CQ bản sao (copy)	

TT	Tên vật tư/Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Chứng chỉ	Ghi chú
43	Switch board assembly	Dùng cho Lincoln AC/DC 1000 SD 11592, 11881, 11918 PN : 9SG4795-2	Bộ	1	CO và CQ bản sao (copy)	

Trưởng phòng kỹ thuật - XNXL  
Signed by: Đồng Văn Nường  
Date: 13/08/2025 11:45:24  
Certified by: Vietsovetro CA  
Đồng Văn Nường

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL  
Signed by: Nguyễn Văn Thọ  
Date: 13/08/2025 09:52:24  
Certified by: Vietsovetro CA  
Nguyễn Văn Thọ

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL  
Signed by: Trần Văn Tuấn  
Date: 13/08/2025 10:26:15  
Certified by: Vietsovetro CA  
Trần Văn Tuấn

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL  
Signed by: Trương Văn Bá  
Date: 13/08/2025 07:48:25  
Certified by: Vietsovetro CA  
Trương Văn Bá





## RC12 WELLHEAD PLATFORM

**“PHÊ DUYỆT”**

**Phó Giám Đốc XNXLKS&SC**

Signed by: Nguyễn Thế Văn  
Date: 13/08/2025 13:47:01  
Certified by: Vietsovpetro CA

**Nguyễn Thế Văn**

## **TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12**

**SỐ TÀI LIỆU : OCD-RC12-TE-40.2**

**NGÀY : 08/2025**

**PHIÊN BẢN : 0**

**PHÁT HÀNH ĐỂ ĐẦU THẦU**



	<b>TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT</b> <b>DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12</b>	Số tài liệu:	<b>OCD-RC12-TE-40.2</b>
		Phiên bản:	0
		Trang: 1/6	

**Bước 1:** Đánh giá việc tuân thủ các điều kiện tiên quyết

TT	Tiêu chí	Đánh giá “Đạt/ Không đạt”	Ghi chú
1	Hàng hóa phải còn mới và chưa qua sử dụng		
2	Hàng hóa có Năm sản xuất là <b>2024</b> hoặc muộn hơn		
3	Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày giao hàng cho Vietsovpetro		

**Bước 2:** Các chào hàng được đánh giá ĐẠT tất cả các điều kiện tiên quyết nêu trên sẽ được đánh giá bước 2. Chấm điểm theo bảng điểm sau

STT theo các mức đánh giá			Tên gọi các tiêu chí	Nội dung chào hàng	Điểm			Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục	Ghi chú
Mức I	Mức II	Mức III			Mức I	Mức II	Mức III		
1	2	3			Điểm	%	%		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1			<b>YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ</b> (Mục 2 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		6				
	1.1			Nhà thầu ghi rõ tên gọi, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất và xuất xứ của từng mục vật tư, thiết bị.		100			
	1.2			Chưa đầy đủ thông tin nhưng đủ để đánh giá tiếp		60-90			Note 1
	1.3			Không đáp ứng yêu cầu		0			



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**  
**DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12**

Số tài liệu:

OCD-RC12-TE-40.2

Phiên bản:

0

Trang: 2/6

STT theo các mức đánh giá			Tên gọi các tiêu chí	Nội dung chào hàng	Điểm			Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục	Ghi chú
					Mức I	Mức II	Mức III		
Mức I	Mức II	Mức III			Điểm	%	%		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2			<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b> (Mục 3 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		40				
	2.1			Đáp ứng hoàn toàn yêu cầu kỹ thuật		100			
	2.2			Sai lệch nhỏ trong phạm vi cho phép		60-95			Note 1
	2.3			Không phù hợp		0			R
3			<b>XUẤT XỨ HÀNG HÓA</b> (Mục 4 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		20				
	3.1			G7, Russia, Europe		100			
	3.2			Australia, Korea, Malaysia, Singapore, Thailand, Indonesia, Vietnam		50			Note 2
	3.3			Các nước khác		30			
4			<b>THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG</b> (Mục 5 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		10				
	4.1			Đáp ứng theo yêu cầu		100			



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**  
**DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12**

Số tài liệu:

OCD-RC12-TE-40.2

Phiên bản:

0

Trang: 3/6

STT theo các mức đánh giá			Tên gọi các tiêu chí	Nội dung chào hàng	Điểm			Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục	Ghi chú
					Mức I	Mức II	Mức III		
Mức I	Mức II	Mức III			Điểm	%	%		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	4.2			Giao hàng tại kho Vietsovetro chậm không quá 15 ngày theo yêu cầu		50			
	4.3			Giao hàng chậm quá 15 ngày hoặc không giao hàng tại kho của Vietsovetro theo yêu cầu.		0			R
	4.4			Trong giai đoạn đánh giá Hồ sơ dự thầu, đối với các hàng hoá có xuất xứ từ các nước đang trong tình trạng xung đột vũ trang, bị trừng phạt hoặc cấm vận mà việc nhập khẩu hàng hoá đó có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng.		0			
5			<b>SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA</b> (Mục 6 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		6				
	5.1			Đáp ứng yêu cầu		100			
	5.2			Không cam kết đáp ứng yêu cầu		0			



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**  
**DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12**

Số tài liệu:


OCD-RC12-TE-40.2

Phiên bản:

0

Trang: 4/6

STT theo các mức đánh giá			Tên gọi các tiêu chí	Nội dung chào hàng	Điểm			Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục	Ghi chú
					Mức I	Mức II	Mức III		
Mức I	Mức II	Mức III			Điểm	%	%		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6			<b>TÀI LIỆU KỸ THUẬT</b> (Mục 7 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		6				
	6.1		Cung cấp tài liệu cùng với chào thầu			60			
		6.1.1		Cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu			100		
		6.1.2		Cung cấp tài liệu chưa đầy đủ theo yêu cầu nhưng không ảnh hưởng đến việc đánh giá			70		
		6.1.3		Không cung cấp tài liệu theo yêu cầu			0		
	6.2		Cung cấp tài liệu kỹ thuật khi giao hàng			40			
		6.2.1		Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu			100		
		6.2.2		Cam kết cung cấp chưa đầy đủ tài liệu theo yêu cầu nhưng không ảnh hưởng đến việc sử dụng hàng hoá			70		
		6.2.3		Không cam kết cung cấp tài liệu theo			0		R

	<b>TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT</b> <b>DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12</b>	Số tài liệu:	<b>OCD-RC12-TE-40.2</b>
		Phiên bản:	0
		Trang: 5/6	

STT theo các mức đánh giá			Tên gọi các tiêu chí	Nội dung chào hàng	Điểm			Nguyên nhân giảm điểm theo từng mục	Ghi chú
					Mức I	Mức II	Mức III		
Mức I	Mức II	Mức III			Điểm	%	%		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
				yêu cầu					
7			<b>CUNG CẤP CHỨNG CHỈ HÀNG HÓA</b> (Mục 8 trong tài liệu Yêu cầu kỹ thuật)		<b>12</b>				
	7.1			Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ các chứng chỉ khi giao hàng theo yêu cầu		100			
	7.2			Có thay đổi về hình thức chứng chỉ nhưng vẫn thể hiện đầy đủ thông tin về xuất xứ hay chất lượng hàng hoá		60-90			Note 1
	7.3			Không cam kết cung cấp 1 hoặc một số loại chứng chỉ		0			R
8			<b>TỔNG ĐIỂM</b> (Tối đa 100 điểm)		<b>100</b>				

**GHI CHÚ**      **R (Required): Tiêu chí bắt buộc**

- Mỗi "sai khác nhỏ" sẽ bị trừ đi 5%. "sai khác nhỏ" được định nghĩa là không tuân thủ đầy đủ như yêu cầu trong Tài liệu yêu cầu kỹ thuật nhưng có thể chấp nhận được (kiểm tra từng trường hợp cụ thể).
  - Mỗi "Không tuân thủ hoàn toàn" sẽ bị trừ 20%. "Không tuân thủ hoàn toàn" được định nghĩa là hoàn toàn không tuân thủ theo yêu cầu trong Tài liệu yêu cầu kỹ thuật (kiểm tra từng trường hợp cụ thể).
- Tài liệu yêu cầu kỹ thuật có mã số **OCD-RC12-TR-40.2** là cơ sở để đánh giá trọn gói chào hàng của các nhà thầu.



	<b>TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT</b> <b>DỤNG CỤ VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO CHO CUỐN ỐNG GIÀN RC12</b>	Số tài liệu:	<b>OCD-RC12-TE-40.2</b>
		Phiên bản:	0
		Trang: 6/6	

**ĐÁNH GIÁ:**

- a) Chào hàng được đánh giá **ĐẠT YÊU CẦU KỸ THUẬT** khi được đánh giá không vi phạm điều kiện tiên quyết, không có bất kỳ tiêu chí bắt buộc (R) nào được đánh giá 0 điểm và có tổng số điểm  $\geq 80$  điểm.
- b) Chào hàng được đánh giá **KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU KỸ THUẬT** khi vi phạm bất kỳ điều kiện tiên quyết nào hoặc bất kỳ tiêu chí bắt buộc (R) nào và/hoặc có số điểm  $< 80$  điểm.

**Kiểm tra:**

Trưởng phòng kỹ thuật - XNXL  
 Signed by: Đồng Văn Nhường  
 Date: 13/08/2025 11:45:23  
 Certified by: Vietsovpetro CA **Đồng Văn Nhường**

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL  
 Signed by: Nguyễn Văn Thọ  
 Date: 13/08/2025 09:52:23  
 Certified by: Vietsovpetro CA **Nguyễn Văn Thọ**

Kỹ sư phòng kỹ thuật - XNXL  
 Signed by: Trần Văn Tuấn  
 Date: 13/08/2025 10:26:14  
 Certified by: Vietsovpetro CA **Trần Văn Tuấn**

**Người soạn thảo:** Trương Văn Bá – Kỹ sư P.KT XNXL

Signed by: Trương Văn Bá  
 Date: 13/08/2025 07:48:24  
 Certified by: Vietsovpetro CA

